

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC - THỊ TRƯỜNG - XÃ HỘI TRONG THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN MỚI*

PGS, TS. NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG**

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng chủ trương đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo và quản trị đất nước nhằm giải quyết những mối quan hệ lớn giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội¹. Sự bất cập của thể chế trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong văn hóa, được coi là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề này trong thời kỳ đổi mới, phân tích các yếu tố tác động, đồng thời đề xuất định hướng xây dựng thể chế nhằm phát huy vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn mới.

1. Nhận thức chung về mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa

Phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường

Phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường là một trong những căn cứ quan trọng để lý giải cả về lý luận và thực tiễn mối quan hệ

giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa nói chung và đặc thù ở Việt Nam nói riêng. Phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường là quá trình thúc đẩy các hoạt động văn hóa - sáng tạo theo quy luật thị trường, có sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó nhà nước giữ vai trò định hướng, điều tiết, tạo động lực. Ở Việt Nam, quan điểm phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường là sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển con người toàn diện, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Khác với cơ chế tập trung, bao cấp, phi thị trường, phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường có những đặc điểm mới thể hiện ở cấu trúc thể chế, cơ chế vận hành, cách thức tổ

* Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài: “Hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa nhằm góp phần tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới” (mã số KX.05.07/21-30); Cơ quan chủ quản: Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam; Chủ nhiệm đề tài: PGS, TS. Trần Quốc Toàn; Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12-2024 đến tháng 8-2027

** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chức quản lý, nguồn lực thực thi và mục tiêu phát triển. Trong cơ chế này, nhà nước không còn độc quyền quản lý trực tiếp mà cùng với nhiều chủ thể khác như doanh nghiệp, cá nhân, xã hội... tham gia vào lĩnh vực văn hóa. Nhà nước giữ vai trò định hướng, điều tiết, đồng thời tạo cơ chế tự chủ, cạnh tranh, khuyến khích mô hình hợp tác công - tư, linh hoạt và đa chiều trong phát triển văn hóa. Nguồn lực thực thi được huy động đa dạng thông qua xã hội hóa, các nhà đầu tư tư nhân, tài trợ cộng đồng. Trong cơ chế kinh tế thị trường, xã hội và cá nhân có sự chủ động trong sáng tạo, tiêu dùng, cũng như thực hiện phân biện xã hội đối với các sản phẩm, dịch vụ và hàng hóa văn hóa.

Mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa

Cho đến nay, quan niệm về thể chế phát triển văn hóa vẫn chưa có sự thống nhất chung, tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu. Nhưng dù tiếp cận ở góc độ nào thì thể chế nói chung và thể chế phát triển văn hóa nói riêng vẫn phải có sự phù hợp với nội dung (lĩnh vực) mà thể chế đó vận hành. Cụ thể, thể chế được cấu thành bởi sự gắn kết hữu cơ của ba yếu tố cốt lõi: Các tổ chức, chủ thể tham gia - "người chơi"; các quy tắc pháp luật, quy định của xã hội, cộng đồng - "luật chơi"; lĩnh vực (nội dung) mà các chủ thể và quy chế vận hành, tương tác để đạt được mục tiêu đặt ra - "sân chơi". Trong đó, "luật chơi" cần đặc biệt nhấn mạnh đến chế tài thực thi thể chế².

Từ quan điểm trên, có thể quan niệm: *Thể chế phát triển văn hóa là hệ thống những quy tắc và cơ chế vận hành, trong đó các chủ thể xã hội tham gia, tương tác theo khung khổ pháp lý xác định liên quan đến hoạt động văn hóa, nhằm định*

hướng, điều tiết sự phát triển, bảo đảm hài hòa giữa các giá trị kinh tế, văn hóa và xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường. Quan niệm này cùng với sự phân tích trên cho thấy: Phát triển văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường không chỉ là kết quả tự phát của các hoạt động văn hóa - sáng tạo, mà còn chịu sự chi phối bởi những khung khổ thể chế.

Ở góc nhìn này, bản chất của thể chế phát triển văn hóa được phản ánh qua mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội. Trong đó, nhà nước giữ vai trò định hướng, điều tiết; thị trường và khu vực tư nhân tạo động lực cạnh tranh và phân bổ nguồn lực; còn xã hội vừa là chủ thể tham gia sáng tạo, duy trì, bảo vệ, vừa là đối tượng thụ hưởng các giá trị. Mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội vừa là "trụ cột" cấu trúc nền tảng, vừa là trục vận hành của thể chế phát triển văn hóa, mang tính tất yếu, khách quan trong cơ chế kinh tế thị trường.

Thể chế phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường có những đặc trưng cơ bản là: Sự tham gia đồng kiến tạo của nhiều chủ thể; khả năng thích ứng linh hoạt trước những thay đổi; định hướng phát triển hài hòa giữa mục tiêu xã hội và động lực thị trường; thiết lập cơ chế phân biện và kiểm soát đa chiều; đồng thời bảo đảm tính mở, năng lực hội nhập ngày càng cao trong quản trị văn hóa. Khi xây dựng thể chế phát triển văn hóa, các quốc gia phải đối diện và giải quyết được những thách thức, yêu cầu giữa định hướng xã hội và động lực thị trường, giữa bảo tồn bản sắc và xu hướng thương mại hóa, giữa định hướng, điều tiết và yêu cầu dân chủ, đa dạng.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, một số nước phát triển đã khá thành công

trong việc thiết kế - kiến tạo thể chế phù hợp, thúc đẩy văn hóa phát triển, sáng tạo, hội nhập. Tuy nhiên, đối với các quốc gia đi sau, đang phát triển (trong đó có Việt Nam) thì đây vẫn là thách thức mang tính hệ thống. Đa số các quốc gia này đang ở giai đoạn quá độ của quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế, thiếu sự đồng bộ, hạn chế trong năng lực quản trị văn hóa - phản ứng chính sách thường chậm so với sự biến đổi của văn hóa trong kinh tế thị trường, đặc biệt là giai đoạn chuyển đổi số.

Trong bối cảnh hiện nay, thể chế phát triển văn hóa không chỉ là hệ thống quản lý thuần túy, mà phải là “*khung kiến tạo*” tổ chức được hệ sinh thái phù hợp để trong đó phát huy được vai trò của các chủ thể, phát triển năng lực sáng tạo, bảo đảm đa dạng, bản sắc và thúc đẩy quyền văn hóa công dân.

2. Mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới

Tính tất yếu khách quan của đổi mới thể chế phát triển văn hóa

Trước đổi mới (năm 1986), thể chế văn hóa Việt Nam mang đậm dấu ấn tập trung, bao cấp, hành chính hóa, phi thị trường. Phát triển văn hóa được xem là nhiệm vụ do Nhà nước đảm nhiệm với sự tham gia chủ yếu của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thể chế chưa quan tâm đến cơ chế khuyến khích sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thiếu khung pháp lý cho các mô hình không gian sáng tạo cũng như việc huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa.

Giai đoạn đổi mới, Việt Nam xây dựng thể chế văn hóa gắn với định hướng chung: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành

theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”³. Quan điểm nhất quán của Đảng là phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Thể chế phát triển văn hóa phải bảo đảm sự hài hòa giữa động lực kinh tế - định hướng chính trị - giá trị xã hội, và phát huy vai trò của các chủ thể: Nhà nước, thị trường và xã hội.

Từ năm 1998, quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa đã có bước đột phá quan trọng. Đảng chủ trương xây dựng và thực hiện các chính sách về kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế, xã hội hóa các hoạt động văn hóa, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc, khuyến khích sáng tạo văn hóa, ban hành chính sách đặc thù cho các loại đối tượng xã hội trong tham gia và thụ hưởng văn hóa, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa⁴. Phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, Đảng định hướng xây dựng và ban hành “*Chính sách kinh tế trong văn hóa* nhằm gắn *văn hóa với các hoạt động kinh tế*, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa [...] *Chính sách văn hóa trong kinh tế* đảm bảo cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa”⁵. Đến Đại hội XIII, Đảng tiếp tục nhấn mạnh xây dựng thể chế văn hóa phải giải quyết mối quan hệ “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện

tiến bộ, công bằng xã hội”⁶. Cùng với đó, Hiến pháp Việt Nam (năm 2013, Điều 41) quy định: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”⁷. Điều này khẳng định quyền và nghĩa vụ của Nhà nước trong bảo tồn di sản, định hướng nội dung và hỗ trợ phát triển văn hóa cộng đồng; quyền bình đẳng, tự do cá nhân trong xã hội hóa các hoạt động văn hóa, phát triển thị trường văn hóa có kiểm soát.

Tác động của mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong thể chế phát triển văn hóa

Một là, thể chế có sự chuyển đổi cơ bản từ mô hình nhà nước độc quyền, bao cấp, phi thị trường sang mô hình có nhiều chủ thể tham gia phát triển văn hóa. Nhà nước chuyển dần sang vai trò *định hướng, kiến tạo, điều phối, hỗ trợ*, tạo môi trường pháp lý để phát huy vai trò của thị trường, khu vực tư nhân, và cộng đồng xã hội tham gia sáng tạo, bảo tồn, duy trì, quảng bá, phát triển văn hóa. Thực tế cho thấy, các hiệp hội văn hóa - nghệ thuật, đội ngũ nghệ nhân dân gian, các nhóm cộng đồng địa phương đã tích cực tham gia vào việc bảo tồn, duy trì hoạt động lễ hội, làng nghề truyền thống; tổ chức hoạt động văn hóa - nghệ thuật; tạo lập không gian sáng tạo, khởi nghiệp văn hóa; truyền thông, lan tỏa giá trị văn hóa địa phương; phản biện trong các khâu của chu trình chính sách văn hóa - xã hội.

Hai là, thể chế văn hóa tạo cơ chế huy động đa dạng nguồn lực từ thị trường, khu vực tư nhân và cộng đồng xã hội để phát triển các lĩnh vực văn hóa. Nguồn lực từ Nhà nước được bảo đảm thông qua Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, với trọng tâm ưu tiên đầu tư phát

triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, nghệ thuật truyền thống và phát triển văn hóa, thể thao ở cơ sở. Các nguồn lực từ cộng đồng xã hội được huy động trên nhiều phương diện: 1) Nguồn lực con người (tri thức) và sáng kiến từ cộng đồng và xã hội nghề nghiệp (nghệ nhân dân gian, nhà nghiên cứu địa phương, thành viên các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa); 2) Nguồn lực tài chính từ xã hội hóa hoạt động văn hóa, sự đóng góp của cá nhân, dòng họ, tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp tài trợ, người dân và nhóm cộng đồng cho công tác bảo tồn, tổ chức các hoạt động văn hóa; 3) Nguồn lực vật chất - hạ tầng văn hóa cộng đồng (hệ thống đình, đền, miếu mạo, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa), cùng với hệ thống cơ sở vật chất tại các làng nghề, không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống (khai thác phục vụ phát triển du lịch).

Ba là, thể chế văn hóa tác động đến sự phát triển của một số lĩnh vực văn hóa như: Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa⁸; phát triển các lĩnh vực công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa; phát triển thị trường sản phẩm văn hóa; số hóa di sản phát triển du lịch; hội nhập quốc tế về văn hóa... Thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam ước đạt 1,059 triệu tỷ đồng (tương đương 44 tỷ USD), với hơn 70.321 cơ sở đang hoạt động có liên quan đến công nghiệp văn hóa, thu hút từ 1,7 đến 2,3 triệu lao động. Số lượng cơ sở kinh tế hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh tăng 8,39%; nhiều giá trị văn hóa truyền thống được khai thác góp phần xây dựng hệ thống sản phẩm, thương hiệu du lịch. Năm 2022, tốc độ tăng

trường doanh thu của thị trường quảng cáo Việt Nam đạt 12,7% (xếp thứ 5/11 các quốc gia ASEAN). Các lĩnh vực kiến trúc, thiết kế, thời trang, phần mềm và các trò chơi giải trí... có sự tăng trưởng vượt bậc. Các sản phẩm ngành thủ công mỹ nghệ có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ⁹...

Cùng với Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”, ngày 2-12-2021, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2026/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Hiện nay, nhiều chương trình trọng điểm đang được triển khai thực hiện, như: Số hóa dữ liệu lễ hội tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chương trình Chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số hóa lĩnh vực bảo tàng và di tích lịch sử - văn hóa nhằm phục vụ công tác bảo tồn và khai thác phát triển du lịch. Hệ thống thể chế, chính sách phát triển văn hóa đã và đang tạo điều kiện thuận lợi để thế hệ trẻ Việt Nam tích cực tham gia bảo tồn, đồng thời phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo trên cơ sở khai thác giá trị di sản văn hóa dân tộc một cách hiệu quả.

Tuy nhiên, thể chế, chính sách phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Trước hết, còn tồn tại sự thiếu đồng bộ trong vai trò kiến tạo và điều tiết của Nhà nước. Theo đánh giá, tổng kết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: “Hệ thống pháp luật về văn hóa có số lượng lớn, nhưng nhiều văn bản tính hiệu lực pháp lý và tính quy phạm thấp, thiếu những quy tắc xử sự cụ thể để các chủ thể thực hiện [...] Khung thể chế chưa hoàn thiện, chậm điều chỉnh [...] Cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành,

cơ quan các cấp, giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân chưa chặt chẽ [...] Các quy định pháp luật về huy động nguồn lực cho thấy văn hóa chưa thực sự là ngành được ưu tiên [...] Cơ chế chính sách đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng với vai trò của văn hóa trong phát triển. Sự bất cập trong cơ chế chính sách tạo tình trạng thiếu hài hòa giữa khu vực công lập và tư nhân trong tiếp cận nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước”¹⁰.

Thứ hai, hệ thống thể chế, chính sách văn hóa hiện nay chưa theo kịp thực tiễn. Thể chế, chính sách chủ yếu tập trung điều chỉnh những lĩnh vực truyền thống (di sản, thư viện, điện ảnh...), trong khi chưa bao quát đầy đủ các lĩnh vực mới như: Trò chơi điện tử, mỹ thuật đương đại, hay các sản phẩm sáng tạo văn hóa, nghệ thuật trên môi trường số. Trong phát triển công nghiệp văn hóa, khung pháp lý còn chậm thích ứng trước sự bùng nổ của kinh tế số, kinh tế sáng tạo và hội nhập. Hệ thống thể chế, chính sách hiện hành vẫn tồn tại những khoảng trống liên quan đến vấn đề bản quyền số, bảo vệ nội dung trên nền tảng xuyên biên giới, hỗ trợ đầu tư sáng tạo...

Thứ ba, trong hệ thống thể chế, chính sách văn hóa hiện hành vẫn chưa thực sự có sự gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, thiếu cơ chế tương tác hiệu quả. Vai trò của Nhà nước vẫn còn nặng tính bao cấp, hành chính, chưa có cơ chế phù hợp để phát huy hết tiềm năng của thị trường, xã hội trong phát triển văn hóa. Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong nước chưa thực sự tạo ra sự bứt phá. Theo báo cáo quốc tế, trong số 130 quốc gia, Việt Nam không có thông tin về hiện trạng sản phẩm, dịch vụ văn hóa; đứng thứ 17/20 quốc gia đứng đầu thế giới về nhập khẩu hàng hóa văn hóa, các dịch vụ thiết kế, sáng tạo;

nhưng không có tên trong danh sách các nước xuất khẩu nhiều hàng hóa văn hóa ra thế giới¹¹. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm bản quyền ở Việt Nam vẫn đang diễn ra khá phổ biến; cơ chế huy động nguồn lực trong phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực phát triển văn hóa vẫn còn nhiều hạn chế.

3. Bối cảnh phát triển mới và định hướng xây dựng thể chế phát triển văn hóa nhằm phát huy vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội

Bối cảnh phát triển mới

Giai đoạn phát triển mới của Việt Nam được nhận thức là khởi điểm lịch sử của kỷ nguyên mới, khi đất nước cơ bản hoàn thành chặng đường gần 40 năm đổi mới. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Đại hội XIV sẽ là dấu mốc quan trọng, mốc son mới trên con đường phát triển của đất nước, của dân tộc ta, có ý nghĩa định hướng tương lai; khơi dậy mạnh mẽ truyền thống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự tin, tự lực, tự cường, thể hiện đậm nét ý chí, khí phách và tinh hoa Việt Nam”¹². Giai đoạn phát triển mới gắn với bối cảnh “thế giới có những thay đổi mang tính thời đại với những thời cơ, thuận lợi đi liền với nguy cơ, thách thức”, phát triển nhanh, đột biến, khó lường. Trong bối cảnh đó, yêu cầu xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới chịu sự tác động của nhiều yếu tố.

Văn hóa là một trong bốn trụ cột (kinh tế, xã hội và môi trường), đồng thời là nguồn lực mềm đặc biệt để phát triển bền vững. Văn hóa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế sáng tạo với các ngành công nghiệp văn hóa (âm nhạc, phim ảnh, thời trang, xuất bản, trò chơi điện tử...), tạo việc làm, phát triển nền kinh tế số.

Cùng với đó, cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong sáng tạo, sở hữu, bảo vệ, và khai thác di sản văn hóa. Việc trao quyền cho cộng đồng cũng đồng nghĩa với việc coi cộng đồng là trung tâm của thể chế, chính sách phát triển văn hóa.

Thể chế phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn với mục tiêu phát triển đất nước và những đột phá về chiến lược. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”¹³; phát triển hướng đến mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ”¹⁴. Để đạt được mục tiêu này, một trong những đột phá có tính chiến lược, đó là: “Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập [...] Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội”¹⁵ đối với các lĩnh vực và văn hóa.

Đặc biệt, thể chế phát triển văn hóa, con người Việt Nam giai đoạn mới đang được định hình trong tiến trình *thực hiện cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy và đổi mới quản trị quốc gia*. Không chỉ bộ máy quản lý văn hóa được tinh gọn, mà trong phương thức quản lý, Nhà nước thực hiện trao quyền nhiều hơn cho địa phương, cộng đồng xã hội và khu vực tư nhân.

Cùng với đó là tác động từ các nghị quyết được xem là “tứ trụ”, có vai trò định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới, như: Nghị

quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-1-2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Đây là những nghị quyết trụ cột, thể chế nền tảng, tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước ta tiến lên trong kỷ nguyên mới, hiện thực hóa tầm nhìn phát triển của Việt Nam.

Định hướng xây dựng thể chế nhằm phát huy vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội

Một là, định hướng phát huy vai trò của Nhà nước với tư cách là chủ thể kiến tạo, điều phối hoạt động phát triển văn hóa. Nhà nước tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về văn hóa theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập. Cùng với việc rà soát lại hệ thống luật chuyên ngành văn hóa, cần sớm ban hành Luật Văn hóa cơ sở để thể chế hóa vai trò chủ thể và quyền tiếp cận văn hóa của người dân và cộng đồng. Xây dựng, trình Quốc hội Luật Công nghiệp văn hóa nhằm tạo nền tảng pháp lý cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Xây dựng thể chế và đổi mới cơ chế tài chính nhằm huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa, trong đó làm rõ cơ chế điều phối liên ngành - liên vùng nhằm kết nối các ngành văn hóa - giáo dục - du lịch - công nghiệp sáng tạo. Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển hạ tầng chuyển đổi số ngành văn hóa về cơ sở dữ liệu lớn (big data), đẩy mạnh

số hóa di sản, và tích hợp dữ liệu quản lý văn hóa vào hệ thống dữ liệu quốc gia.

Hai là, định hướng về phát huy vai trò của thị trường và khu vực tư nhân. Nhà nước cần sớm xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý để khắc phục tính chưa đồng bộ, thiếu chế tài cụ thể quy định về quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền trong môi trường số. Hoàn thiện cơ chế về chính sách ưu đãi đầu tư, miễn/giảm thuế, tiếp cận nguồn vốn từ đầu tư công, khuyến khích không gian sáng tạo, hoạt động của các bảo tàng, di tích, khai thác tài nguyên, giá trị văn hóa phát triển du lịch... Đặc biệt, cần ban hành cơ chế, chế tài cụ thể cho các mô hình hợp tác công - tư trong phát triển văn hóa. Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển hạ tầng thị trường văn hóa về không gian vật chất, căn cứ pháp lý. Xây dựng khung pháp lý chuyên biệt cho việc hình thành các sản phẩm dịch vụ văn hóa, bản quyền, dữ liệu số, hạ tầng số... trong lĩnh vực văn hóa. Cùng với đó, sửa đổi, bổ sung các luật liên quan để tạo hành lang pháp lý cho hạ tầng thị trường văn hóa, đặc biệt là hạ tầng thị trường văn hóa số (sản phẩm dịch vụ văn hóa, dữ liệu số, hạ tầng số sáng tạo...).

Ba là, định hướng về phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng xã hội trong sáng tạo, bảo tồn, duy trì, phản biện và giám sát. Cần xây dựng, hoàn thiện thể chế để thể chế hóa vai trò chủ thể của cộng đồng trong phát triển văn hóa. Trước hết, cần sớm ban hành Luật Văn hóa cơ sở để xác lập địa vị pháp lý, trách nhiệm và quyền tham gia của cộng đồng vào quản lý, bảo tồn, sáng tạo văn hóa. Triển khai thực hiện Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30-12-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh vai trò của gia đình trong giáo dục

văn hóa, đạo đức. Quy định cụ thể hơn nữa các cơ chế, chế tài để nâng cao năng lực của cộng đồng trong bảo tồn và sáng tạo văn hóa. Xây dựng thể chế về cơ chế phản biện, giám sát xã hội, coi đây là công cụ để cộng đồng xã hội tham gia có trách nhiệm vào quá trình phát triển văn hóa. Thiết lập cơ chế, chế tài khuyến khích các sáng kiến xã hội, nhân rộng các mô hình tự quản trong gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa bản địa.

Tóm lại, xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới nhằm phát huy vai trò của các chủ thể Nhà nước - thị trường - xã hội là một trong những vấn đề cốt lõi. Vì vậy, việc tiếp tục cải cách thể chế, đặc biệt là thể chế phát triển văn hóa là yêu cầu khách quan, là “mệnh lệnh từ tương lai dân tộc”, góp phần tạo động lực để phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới ■

- ¹ Xem: Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- ² Xem: PGS, TS. Trần Quốc Toàn, *Thể chế - Cốt lõi là tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ của quốc gia*, <https://reatimes.vn>, ngày 18-6-2024.
- ³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9-10.
- ⁴ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về văn hóa, xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.176-180.
- ⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.73-74.
- ^{6, 13, 14, 15} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.119, 214, 217, 220.
- ⁷ *Toàn văn: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn>, ngày 28-12-2023.
- ⁸ Tính đến tháng 5-2025, Việt Nam được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận 9 di sản văn hóa (6 di sản văn hóa, 2 di sản thiên nhiên, 1 di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới). Đặc biệt, ngày 13-7-2025, UNESCO đã phê duyệt điều chỉnh ranh giới của Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng để bao gồm Vườn quốc gia Hin Nam Nô (Khăm Muộn, Lào), với tên gọi: “Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và Vườn quốc gia Hin Nam Nô” trong danh sách di sản thế giới, Xem: *9 Di sản Thế giới ở Việt Nam được UNESCO vinh danh*, <https://nhandan.vn>, ngày 13-7-2025; Linh Khánh, *Phong Nha - Kẻ Bàng trở thành Di sản Thiên nhiên liên biên giới đầu tiên của Việt Nam*, <https://nhandan.vn>, ngày 13-7-2025.
- ⁹ Xem: Nguyễn Thị Thu Phương, *Nhận diện sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam và một số đề xuất giải pháp chính sách*, <http://vanhoanghethuat.vn>, ngày 12-2-2024.
- ¹⁰ Nguyễn Văn Hùng, *Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và huy động nguồn lực cho phát triển văn hóa*, in trong Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa năm 2022: Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa, Hà Nội, tháng 12-2022, tr.43-44.
- ¹¹ Xem: PGS, TS. Tạ Quang Đông, *Phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa để quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới*, <https://tapchicongsan.org.vn>, ngày 15-9-2020.
- ¹² Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm, *Đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn trong giai đoạn phát triển mới*, <https://baochinhphu.vn>, ngày 13-8-2024.